

Xuân Hòa, ngày 13 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH

Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục lớp mẫu giáo ghép 5 tuổi, năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2025 của tỉnh Lào Cai về việc Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Kế hoạch số 134/KH - MN ngày 27 tháng 8 năm 2025 Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của trường MN số 1 Xuân Hòa;

Căn cứ kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ lớp ghép 5 tuổi Cuông 2 năm học 2024-2025 và tình hình thực tế lớp ghép 5 tuổi Cuông 2 năm học 2025-2026.

Lớp ghép 5 tuổi Cuông 2 xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

1. Đánh giá thực trạng

1.1. Đặc điểm tình hình chung

- Lớp ghép 5 tuổi Cuông 2 có tổng số 22 trẻ. Trẻ dân tộc 22 trẻ trong đó nam 12 trẻ, nữ 10 trẻ. Có 4 trẻ mới ra lớp (3 trẻ 2 tuổi, 1 trẻ 3 tuổi):

+ Trẻ 5 tuổi: 5/6 trẻ dân tộc (Nam: 3; nữ: 2) giảm so với năm học 2025 là 1 học sinh chiếm 16,6%.

+ Trẻ 4 tuổi: 10/11 trẻ dân tộc (Nam: 5; nữ: 5) giảm so với năm học 2024-2025 là 1 học sinh chiếm 9%

+ Trẻ 3 tuổi: 4/3 trẻ dân tộc (Nam: 2; nữ: 2) tăng so với năm học 2024-2025 là 1 học sinh đạt 25%

+ Trẻ 2 tuổi: 3/3 trẻ dân tộc (Nam: 2; nữ: 1) bằng số học sinh 2 tuổi năm học 2024-2025.

- Kết quả nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ năm 2024- 2025 như sau:

+ Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ:

Trẻ phát triển bình thường về cân nặng: 24/24 đạt 100%

Trẻ SDD thể nhẹ cân: 0/24 chiếm 0%

+5 tuổi: Trẻ PTBT về chiều cao: 4/4 đạt 100%;

Trẻ SDD thấp còi: 0;

+4 tuổi: Trẻ PTBT về chiều cao: 5/6 đạt 83,3%

Trẻ SDD thấp còi: 1/6 chiếm 16,7%;

+ 3 tuổi: Trẻ PTBT về chiều cao: 9/11 đạt 81,8%;

Trẻ SDD thấp còi: 0; 2/11 chiếm 18,2%;

+ 2 tuổi: Trẻ PTBT về chiều cao: 3/3 đạt 100%

Trẻ SDD thấp còi: 0

+ Chất lượng giáo dục trẻ:

Trẻ đạt yêu cầu: 5T: 4/4 đạt 100%; 4T: 6/6 đạt 100%; 3T: 11/11 đạt 100%; 2T: 3/3 đạt 100%.

Trẻ chưa đạt yêu cầu: 0 trẻ

1.2. Thuận lợi, khó khăn

* Thuận lợi:

- Có đầy đủ trang thiết bị, cơ sở vật chất đảm bảo, bếp ăn sạch sẽ, thoáng mát phục vụ cho công tác ăn bán trú của trẻ.

- Trẻ có đầy đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân đảm bảo. Lớp có đầy đủ đồ dùng vệ sinh chung phục vụ cho trẻ khi đến lớp.

- Lớp có đầy đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho hoạt động học và vui chơi của trẻ.

- Đa số phụ huynh phối hợp với cô giáo, nhà trường tham gia thực hiện tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ

- 2 cô phụ trách lớp đều đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non. Có tinh thần trách nhiệm trong công việc, yêu nghề, mến trẻ.

* Khó khăn:

- Lớp ghép nhiều độ tuổi 2 tuổi mới ra lớp chưa có nề nếp, khó khăn trong quá trình chuyển đạt kiến thức đáp ứng cho từng độ tuổi.

- Lớp 100% học sinh dân tộc thiểu số nên giao tiếp còn hạn chế, khó khăn trong quá trình giảng dạy.

- Phụ huynh đa số làm nông, đi làm xa gửi con cho ông bà nên sự quan tâm đến công tác giáo dục trẻ còn ít chưa được cao.

- Một số đồ dùng, đồ chơi tự làm còn chưa được đảm bảo.

2. Mục tiêu chung:

- Trẻ ăn bán trú tại trường đảm bảo ATTP, không xảy ra ngộ độc thực phẩm,...ăn đúng thực đơn tính theo khẩu phần của trẻ theo ngày.

- Trẻ được khám định kỳ và chắm biểu đồ theo dõi trong sổ sức khỏe của trẻ theo quy định.

- Trẻ có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.

- Thực hiện có hiệu quả các hoạt động đối với trẻ lớp ghép. Đảm bảo 100% trẻ 5 tuổi được bàn giao lên tiểu học.

3. Mục tiêu cụ thể và nội dung

3.1 Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung
A. TỔ CHỨC ĂN	<p>1. Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi.</p> <p>2. Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.</p> <p>3. Nước uống</p> <p>4. Thực đơn</p>	<p>+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.</p> <p>- Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ: 580-651 Kcal.</p> <p>+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày</p> <p>- Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</p> <p>+ Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.</p> <p>+ Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần</p> <p>+ Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. -</p> <p>- Khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn).</p> <p>- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa. (Thực đơn không lặp lại trong 1 tuần)</p>
B. TỔ CHỨC NGỦ	Tổ chức ngủ theo nhu cầu độ tuổi. Ngủ 1 giấc trưa	Ngủ 1 giấc trưa thời gian khoảng 150p
C. VỆ SINH	<p>1. Vệ sinh cá nhân</p> <p>2. Vệ sinh môi trường. Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.</p>	<p>- Trẻ có thói quen tự phục vụ. Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh bằng xà phòng. Rửa mặt sau mỗi bữa ăn....</p> <p>- Vệ sinh môi trường trong lớp sạch, thoáng, đầy đủ ánh sáng và ngoài lớp sạch đẹp, thoáng mát.</p>

<p>D. CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN</p>	<p>1. Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ qua cân nặng, chiều cao cân đo hàng tháng theo lứa tuổi</p> <p>2. Xây dựng môi trường lớp học an toàn cho trẻ</p> <p>3. Có biện pháp phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.</p>	<p>- Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm. Cân đo, chắm biểu đồ 3 lần/ năm đối với trẻ 3,4,5 tuổi để theo dõi quá trình phát triển của trẻ. Trẻ 2 tuổi cân đo hàng tháng để theo dõi sự phát triển của trẻ. Từ đó có kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng và béo phì theo từng tháng.</p> <p>- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. Phòng tránh cháy nổ.</p> <p>- Theo dõi tiêm chủng. Phòng tránh các bệnh thường gặp. Trường hợp có dịch bệnh phải có biện pháp cụ thể giữa nhà trường và gia đình.</p>
--	--	---

3.2. Giáo dục: Nhà trẻ 24-36 tháng tuổi

Tuổi	Mục tiêu	Nội dung
I. Lĩnh vực phát triển thể chất		
<p>2 tuổi</p>	<p>- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</p> <p>- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhẹn nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).</p> <p>- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.</p>	<p>- Theo dõi biểu đồ tăng trưởng cân nặng và chiều cao. Trẻ phát triển bình thường theo lứa tuổi.</p> <p>a. Phát triển vận động</p> <p>1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p> <p>- Hô hấp: Tập hít vào thở ra.</p> <p>- Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.</p> <p>- Lưng, bụng lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vịn người sang 2 bên.</p> <p>- Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.</p> <p>2. Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</p> <p>- Tập bò, trườn:</p> <p>+ Bò thẳng hướng và có vật trên lưng.</p> <p>+ Bò chui qua cổng.</p> <p>+ Bò, trườn qua vật cản</p> <p>- Tập đi, chạy:</p> <p>+ Đi theo hướng thẳng</p>

	<p>- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.</p> <p>- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Đi bước qua vật cản + Tập bước lên xuống bậc thang + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay. + Chạy theo hướng thẳng. + Đứng co 1 chân. - Tập nhún bật: + Bật tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ. - Tập tung, ném, bắt: + Ngồi lăn bóng + Đứng ném tung bóng + Tung - bắt bóng cùng cô. + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích. <p>3. Các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6-8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách. <p>b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p> <p>1. Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.
--	---	---

	<p>- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.</p>	<p>2. Làm quen với một số việc tự phục vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt, khí thời tiết nóng- lạnh. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. <p>3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần và khi người lớn không cho phép. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
II. Lĩnh vực phát triển nhận thức		
<p>2 tuổi</p>	<p>- Có sự nhạy cảm của các giác quan.</p> <p>- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.</p>	<p>1. Luyện tập và phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua, cay, nóng) <p>2. Nhận biết</p> <p>* Một số bộ phận của cơ thể con người</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân, trán, cằm, má * Một số đồ dùng, đồ chơi - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. * Một số phương tiện giao thông quen thuộc - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. * Một số con vật, hoa quả quen thuộc - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. * Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian - Màu đỏ, vàng, xanh, đen. - Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông, hình tam giác. - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều. * Bản thân, người gần gũi - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp. - Trẻ biết tên 1 số ngày lễ hội: Tết trung thu, tết nguyên đán...
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
2 tuổi	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Nghe - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau

	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Hồn nhiên trong giao tiếp. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe và trả lời các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Để làm gì? Ở đâu?; Như thế nào? - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, bài hát, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. <p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các âm khác nhau. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì?; Làm gì?; Ở đâu?;...Thế nào?; Để làm gì?; Tại sao? - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. <p>3. Làm quen với sách</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
IV. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội và thẩm mỹ		
<p>2 tuổi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. 	<p>1. Phát triển tình cảm</p> <p>* Ý thức về bản thân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.

	<p>- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, với sự vật gần gũi</p> <p>- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.</p>	<p>- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.</p> <p>* Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc</p> <p>- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, sợ hãi.</p> <p>2. Phát triển kỹ năng xã hội</p> <p>* Mọi quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.</p> <p>- Giao tiếp với những người xung quanh.</p> <p>- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.</p> <p>- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</p> <p>- Quan tâm đến các vật nuôi.</p> <p>* Hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản</p> <p>- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ” ; xin lỗi chơi cạnh bạn, không cầu bạn.</p> <p>- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.</p> <p>- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên</p>
V. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		
<p>2 tuổi</p>	<p>- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc ; thích vẽ, xé dán, xếp hình ; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...</p>	<p>- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc</p> <p>- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.</p> <p>- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.</p> <p>* Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.
--	--	--

3.3 Giáo dục mẫu giáo (3, 4, 5 tuổi)

Lĩnh vực	Mục tiêu	Nội dung		
		3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi
1. Phát triển thể chất	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi	Theo dõi biểu đồ tăng trưởng cân nặng và chiều cao trẻ phát triển bình thường theo lứa tuổi		
	- Có 1 số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.	<ul style="list-style-type: none"> - Các động tác hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên, + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lung, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các động tác hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lung, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các động tác hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lung, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông

	<p>- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.</p> <p>- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.</p>	<p>+ Nghiêng người sang trái, sang phải</p> <p>- Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.</p> <p>* Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động. - Đi và chạy: + Đi kiễng gót. + Đi; chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc. + Đi khụy gối + Đi trong đường hẹp + Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng.</p>	<p>+ Nghiêng người sang trái, sang phải.</p> <p>- Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.</p> <p>* Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động. - Đi và chạy: + Đi bằng gót chân + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Đi lùi + Đi khụy gối + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi trên ghé thể dục. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây.</p>	<p>hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái</p> <p>- Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.</p> <p>* Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động. - Đi và chạy: + Đi bằng mép ngoài bàn chân + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh. + Đi nổi bàn chân tiến, lùi + Đi khụy gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn) + Đi trên ván kê dốc (0,3m - 0,4m) + Chạy 18m trong khoảng 10 giây.</p>
--	--	--	--	---

	<p>- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.</p>	<p>+ Chạy chậm khoảng 40- 60m</p> <p>- Bò, trườn, trèo:</p> <p>+ Bò theo hướng thẳng</p> <p>+ Bò dích dắc</p> <p>+ Bò chui qua cổng.</p> <p>+ Trườn theo hướng thẳng</p> <p>+ Trườn về phía trước.</p> <p>+ Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm).</p> <p>- Tung, ném, bắt:</p> <p>+ Tung bắt bóng với cô.</p> <p>+ Lăn bóng với cô</p> <p>+ Đập bắt bóng với cô</p> <p>+ Ném xa bằng 1 tay.</p> <p>+ Ném xa bằng 2 tay</p> <p>+ Ném trúng đích bằng 1 tay.</p> <p>+ Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.</p> <p>- Bật - nhảy:</p> <p>+Bật về phía trước.</p> <p>+ Bật xa 20 - 25 cm</p>	<p>+ Chạy chậm 60 - 80m.</p> <p>- Bò, trườn, trèo:</p> <p>+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m.</p> <p>+ Bò dích dắc qua 5 điểm.</p> <p>+ Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.</p> <p>+Trườn theo hướng thẳng.</p> <p>+Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.</p> <p>+Trèo lên, xuống 5 giống thang.</p> <p>- Tung, ném, bắt:</p> <p>+ Tung bóng lên cao và bắt.</p> <p>+ Tung bắt bóng với người đối diện.</p> <p>+ Đập và bắt bóng tại chỗ.</p> <p>+ Ném xa bằng 1 tay</p> <p>+ Ném xa bằng 2 tay.</p> <p>+ Ném trúng đích bằng 1 tay.</p> <p>+ Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.</p> <p>- Bật - nhảy:</p> <p>+ Bật liên tục về phía trước.</p> <p>+ Bật xa 35 -40cm.</p>	<p>+ Chạy chậm khoảng 120m.</p> <p>- Bò, trườn, trèo:</p> <p>+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m.</p> <p>+ Bò dích dắc qua 7 điểm.</p> <p>+ Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.</p> <p>+ Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.</p> <p>+ Trèo lên xuống 7 giống thang.</p> <p>- Tung, ném, bắt:</p> <p>+ Tung bóng lên cao và bắt.</p> <p>+ Tung đập bắt bóng tại chỗ</p> <p>+ Đi và đập bắt bóng.</p> <p>+ Ném xa bằng 1 tay</p> <p>+ Ném xa bằng 2 tay.</p> <p>+ Ném trúng đích bằng 1 tay</p> <p>+ Ném trúng đích bằng 2 tay.</p> <p>+ Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.</p> <p>- Bật - nhảy:</p> <p>+ Bật liên tục vào vòng.</p> <p>+ Bật xa 40- 50cm</p>
--	---	--	--	---

	<p>- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.</p>	<p>+ Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 20- 25cm) + Bật tách khếp chân qua 3 ô + Bật tại chỗ</p> <p>+ Nhảy lò cò tại chỗ * Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ. - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc. * Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.</p>	<p>+ Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bật tách chân, khếp chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m. * Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ. - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi - Gấp giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, đồ theo nét, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây. * Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản</p>	<p>+ Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Bật tách chân, khếp chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15 - 20cm. + Nhảy lò cò 5m. * Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ. - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. Vẽ hình - Cài, cởi cúc, khóa khóa (phéc mơ tua), khâu, luồn, buộc dây. * Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một</p>
--	---	--	--	---

	<p>- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (cay, nóng, ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. Không xem tivi và điện thoại khi ăn và khi uống. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. 	<p>của một số thực phẩm, món ăn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (cay nóng, ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Không xem tivi và điện thoại khi ăn và khi uống. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. 	<p>số món ăn, thức uống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (cay, nóng, ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Không xem tivi và điện thoại khi ăn và khi uống. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.
--	---	---	---	--

			<ul style="list-style-type: none"> - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.
		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. 		
<p>2. Phát triển nhận thức</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số hiểu biết ban đầu về sự vật, hiện tượng xung quanh 	<p>2.1 Khám phá khoa học</p> <ul style="list-style-type: none"> * Các bộ phận của cơ thể con người - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. * Đồ dùng đồ chơi - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. 	<p>2.1 Khám phá khoa học</p> <ul style="list-style-type: none"> * Các bộ phận của cơ thể con người - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. * Đồ dùng đồ chơi - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Một số mối liên hệ cơ bản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. 	<p>2.1 Khám phá khoa học</p> <ul style="list-style-type: none"> * Các bộ phận của cơ thể con người - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. * Đồ dùng đồ chơi, <i>giữ gìn</i> đồ dùng đồ chơi. - Một số mối liên hệ cơ bản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu.
	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng phát 	<ul style="list-style-type: none"> * Phương tiện giao thông 	<ul style="list-style-type: none"> * Phương tiện giao thông 	<ul style="list-style-type: none"> * Phương tiện giao thông

<p>hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.</p> <p>- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.</p> <p>- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh,</p>	<p>- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</p> <p>* Động vật và thực vật.</p> <p>- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.</p> <p>- Mọi liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.</p> <p>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.</p> <p>* Một số hiện tượng tự nhiên</p> <p>-Thời tiết, mùa</p> <p>+ Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.</p>	<p>- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu</p> <p>* Động vật và thực vật.</p> <p>- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.</p> <p>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.</p> <p>- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.</p> <p>- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.</p> <p>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.</p> <p>* Một số hiện tượng tự nhiên</p> <p>-Thời tiết, mùa</p> <p>+Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người .</p>	<p>- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu</p> <p>* Động vật và thực vật.</p> <p>- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả, con vật.</p> <p>- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.</p> <p>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 1 số con vật, cây, hoa, quả.</p> <p>- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu.</p> <p>- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.</p> <p>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.</p> <p>* Một số hiện tượng tự nhiên.</p> <p>-Thời tiết, mùa</p> <p>+Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các các mùa.</p> <p>- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con</p>
--	---	---	---

<p>lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu</p> <p>- Có một số hiểu biết ban đầu về con người.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng + Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Nước: + Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Không khí, ánh sáng + Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Đất đá, cát, sỏi: + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. <p>2.2 Khám phá về xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng. - Tên, tuổi, giới tính của bản thân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng + Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Nước: + Các nguồn nước trong môi trường sống. + Ích lợi của nước với đời sống con người con vật và cây. + Một số đặc điểm, tính chất của nước. + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, ánh sáng + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Đất đá, cát, sỏi: + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, sỏi, cát. <p>2.2 Khám phá về xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng. - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên 	<p>người cây cối và con vật theo mùa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng + Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Nước: + Các nguồn nước trong môi trường sống. + Ích lợi của nước với đời sống con người con vật và cây. + Một số đặc điểm, tính chất của nước. + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, ánh sáng + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Đất đá, cát, sỏi: + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, sỏi, cát. <p>2.2 Khám phá về xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng. - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm
---	--	---	---

		<p>- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Mỗi quan hệ giữa những thành viên trong gia đình. Mỗi quan hệ giữa những thành viên là họ hàng trong gia đình (ông, bà, cô dì, chú, bác bên nội, bên ngoài). Địa chỉ gia đình.</p> <p>- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo.</p> <p>- Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.</p> <p>* Một số nghề trong xã hội</p> <p>- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.</p>	<p>ngoài, sở thích của bản thân.</p> <p>- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Mỗi quan hệ giữa những thành viên trong gia đình. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. Số điện thoại của bố, mẹ.</p> <p>- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.</p> <p>- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.</p> <p>* Một số nghề trong xã hội</p> <p>- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến của địa phương, 1 số nghề trong xã hội.</p>	<p>bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. ông, bà, cô dì, chú, bác bên nội, bên ngoài). Số điện thoại của bố (mẹ).</p> <p>- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn: ông, bà, chú, bác, cô, dì, cậu, mợ bên nội, bên ngoài, số điện thoại của bố, mẹ). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.</p> <p>- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.</p> <p>- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.</p> <p>* Một số nghề trong xã hội</p> <p>- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến của địa phương, 1 số nghề trong xã hội.</p>
--	--	--	--	---

<p>- Trẻ nhận biết và thể hiện kỹ năng phù hợp khi tiếp cận công nghệ số.</p> <p>- Có một số hiểu một số khái niệm sơ đẳng về toán</p>	<p>* Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa.</p> <p>- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.</p> <p>2.3 Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.</p> <p>* Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.</p> <p>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.</p> <p>- 1 và nhiều.</p> <p>- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.</p>	<p>* Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa.</p> <p>- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.</p> <p>2.3 Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.</p> <p>* Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.</p> <p>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</p> <p>- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.</p> <p>- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.</p>	<p>* Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa.</p> <p>- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.</p> <p><i>- Sử dụng 1 số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn.</i></p> <p><i>- Thể hiện kỹ năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống hàng ngày theo các bước đơn giản khi tiếp cận công nghệ số.</i></p> <p>2.3 Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.</p> <p>* Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.</p> <p>- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</p> <p>- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.</p> <p>- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.</p>
--	---	---	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. <p>* Xếp tương ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. <p>* So sánh, sắp xếp theo quy tắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ. <p>* Đo lường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo. <p>* Hình dạng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...). <p>* Xếp tương ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. <p>* So sánh, sắp xếp theo quy tắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. <p>* Đo lường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo. <p>* Hình dạng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - Chắp ghép các hình hình học để 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...). <p>* Xếp tương ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. <p>* So sánh, sắp xếp theo quy tắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp. <p>* Đo lường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. <p>* Hình dạng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ, khối tam giác và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để
--	--	--	--	--

		<p>- Sử dụng các hình hình học để chấp ghép.</p> <p>* Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.</p> <p>- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.</p>	<p>tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.</p> <p>* Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.</p> <p>- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).</p> <p>- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.</p>	<p>tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.</p> <p>- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.</p> <p>* Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.</p> <p>- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.</p> <p>- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.</p> <p>- Gọi tên các thứ trong tuần.</p>
<p>3. Phát triển ngôn ngữ</p>	<p>- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.</p> <p>- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau</p>	<p>3.1 Nghe</p> <p>- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng, gần gũi, quen thuộc.</p> <p>- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.</p>	<p>3.1 Nghe</p> <p>- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.</p> <p>- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung truyện kể,</p>	<p>3.1 Nghe</p> <p>- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.</p> <p>- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung truyện kể,</p>

<p>(lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ ...)</p> <p>- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.</p> <p>- Có khả năng cảm nhận văn điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao</p>	<p>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.</p> <p>3.2 Nói</p> <p>- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.</p> <p>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.</p> <p>- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?</p> <p>- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.</p> <p>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p> <p>- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.</p>	<p>truyện đọc phù hợp với độ tuổi.</p> <p>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi</p> <p>3.2 Nói</p> <p>- Phát âm các tiếng có chứa các âm khác.</p> <p>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.</p> <p>- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.</p> <p>- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép</p> <p>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p> <p>- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.</p>	<p>truyện đọc phù hợp với độ tuổi.</p> <p>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi</p> <p>3.2 Nói</p> <p>- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.</p> <p>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.</p> <p>- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “ Tại sao?”; “ Có gì giống nhau?”; “ Có gì khác nhau?”; “ Do đâu mà có?”</p> <p>- Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? Làm bằng gì?</p> <p>- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.</p> <p>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p> <p>- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.</p>
---	--	---	---

<p>phù hợp với độ tuổi.</p> <p>- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện.</p> <p>- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết</p>	<p>- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.</p> <p>- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.</p> <p>- Kể lại sự việc.</p> <p>- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.</p> <p>3.3 Làm quen với đọc, viết</p> <p>- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)</p> <p>- Tiếp xúc với chữ, sách truyện.</p> <p>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.</p> <p>- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:</p> <p>- Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.</p> <p>- Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.</p>	<p>- Kể lại truyện đã được nghe</p> <p>- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.</p> <p>- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.</p> <p>- Đóng kịch.</p> <p>3.3 Làm quen với đọc, viết</p> <p>- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)</p> <p>- Nhận dạng một số chữ cái. <i>(10 -15 chữ cái)</i></p> <p>- Tập tô, tập đồ các nét chữ.</p> <p>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.</p> <p>- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:</p> <p>- Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.</p> <p>- Hướng viết của các nét chữ; Đọc</p>	<p>- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.</p> <p>- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.</p> <p>- Kể lại sự việc theo trình tự.</p> <p>- Đóng kịch.</p> <p>3.3 Làm quen với đọc, viết</p> <p>- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)</p> <p>- Nhận dạng các chữ cái.</p> <p>- Tập tô, tập đồ các nét chữ.</p> <p>- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.</p> <p>- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:</p> <p>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.</p> <p>- Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.</p> <p>- Hướng viết của các nét chữ; Đọc</p>
--	--	---	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Cầm sách đúng chiều, mở sách truyện, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách 	<ul style="list-style-type: none"> ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách. 	<ul style="list-style-type: none"> ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.
<p>4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức về bản thân. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với 	<p>4.1 Phát triển tình cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Ý thức về bản thân. - Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích. * Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh. - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, 	<p>4.1 Phát triển tình cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Ý thức về bản thân. - Tên, tuổi, giới tính. - Sở thích, khả năng của bản thân. * Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh. - Nhận biết một số 	<p>4.1 Phát triển tình cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Ý thức về bản thân. - Sở thích, khả năng của bản thân. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...). - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. * Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh. - Nhận biết một số

<p>con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.</p> <p>- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.</p>	<p>tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.</p> <p>- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.</p> <p>- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</p> <p>4.2. Phát triển kỹ năng xã hội. * Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội. - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Chờ đến lượt. - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Chơi hòa thuận với bạn - Một số quy định ở lớp và gia đình (để</p>	<p>tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.</p> <p>- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.</p> <p>- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</p> <p>4.2. Phát triển kỹ năng xã hội. * Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội. - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Chờ đến lượt, hợp tác. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, giúp đỡ bạn. - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi</p>	<p>tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.</p> <p>- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Môi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</p> <p>4.2. Phát triển kỹ năng xã hội. * Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội. - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. - Hòa thuận với bạn bè. - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi</p>
--	---	---	--

	<p>- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi</p>	<p>đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).</p> <p>* Quan tâm đến môi trường</p> <p>- Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.</p> <p>- Tiết kiệm điện, nước.</p> <p>- Giữ gìn vệ sinh môi trường.</p> <p>- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.</p>	<p>công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).</p> <p>* Quan tâm đến môi trường</p> <p>- Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.</p> <p>- Tiết kiệm điện, nước.</p> <p>- Giữ gìn vệ sinh môi trường.</p> <p>- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.</p>	<p>công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).</p> <p>* Quan tâm đến môi trường</p> <p>- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.</p> <p>- Tiết kiệm điện, nước.</p> <p>- Giữ gìn vệ sinh môi trường.</p> <p>- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.</p>
<p>5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ</p>	<p>- Có khả năng cảm nhận về đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.</p> <p>- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong</p>	<p>5.1 Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.</p> <p>- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.</p> <p>5.2 Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.</p>	<p>5.1 Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.</p> <p>- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật</p> <p>5.2 Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.</p>	<p>5.1 Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.</p> <p>- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.</p> <p>5.2 Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.</p>

<p>các hoạt động âm nhạc, tạo hình.</p> <p>- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn bảo vệ cái đẹp</p>	<p>- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).</p> <p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình.</p> <p>- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.</p> <p>- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.</p> <p>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.</p> <p>- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.</p> <p>- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.</p>	<p>- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca.)</p> <p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.</p> <p>- Hát đúng giai điệu lời ca và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát.</p> <p>- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.</p> <p>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu.</p> <p>- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.</p> <p>- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích</p>	<p>- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển.)</p> <p>- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc</p> <p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.</p> <p>- Hát đúng giai điệu lời ca và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát.</p> <p>- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với cái bài hát, bản nhạc.</p> <p>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm, theo phách, nhịp, tiết tấu.</p> <p>- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.</p> <p>- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình sản phẩm tạo ra sản phẩm có màu sắc,</p>
--	--	--	--

		<p>5.3 Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm của mình. 	<p>thước, hình dáng/ đường nét.</p> <p>5.3 Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Đặt tên cho sản phẩm của mình. 	<p>bố cục, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.</p> <p>5.3 Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn). - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.
--	--	--	---	--

4. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC:

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Dự kiến thời gian
	DẠY NỀN NẾP	Từ ngày 28/8 – 06/9/25
Trường mầm non	<ul style="list-style-type: none"> - Nhánh 1: Trường mầm non của bé - Nhánh 2: Lớp học của bé 	<p>3 Tuần: 08/ 9- 26/ 9/2025</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuần 1: Từ : 08/9 - 12/9 - Tuần 2: Từ : 15/9 -19/9

	- Nhánh 3: Đồ dùng, đồ chơi của bé.	- Tuần 3: Từ 22/9-26/9
Bản thân	- Nhánh 1: Tết trung thu - Nhánh 2: Bé là ai ? - Nhánh 3: Cơ thể của bé - Nhánh 4: Bé cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh + Ngày 20-10.	4 Tuần: 29/9- 24/10/2025 - Tuần 4: Từ : 29/9-03/10 - Tuần 5: Từ : 6/10-10/10 - Tuần 6: Từ: 13/10-17/10 - Tuần 7: Từ: 20/10-24/10
Gia đình	- Nhánh 1: Gia đình bé - Nhánh 2: Họ hàng gia đình bé - Nhánh 3: Ngôi nhà gia đình bé - Nhánh 4: Đồ dùng trong gia đình bé + Ngày nhà giáo VN 20/11	4 Tuần: 7/11- 21/11/2025 - Tuần 8: Từ : 7/11-31/10 - Tuần 9: Từ : 3/11-7/11 - Tuần 10: Từ: 10/11-14/11 - Tuần 11: Từ 17/11- 21/11
Nghề nghiệp	- Nhánh 1: Một số nghề phổ biến - Nhánh 2: Nghề xây dựng - Nhánh 3: Nghề sản xuất - Nhánh 4: Nghề dịch vụ - Nhánh 5: Ngày 22 tháng 12	5 Tuần: 24/11-26/12/2025 - Tuần 12: Từ: 24/11-28/11 - Tuần 13: Từ: 1/12-5/12 - Tuần 14: Từ: 8/12-12/12 - Tuần 15: Từ 15/12 - 19/12 - Tuần 16: Từ 22/12-26/12
Phương tiện giao thông	- Nhánh 1: Một số PTGT đường bộ và luật lệ giao thông - Nhánh 2: Một số PTGT đường thủy. - Nhánh 3: Một số PTGT đường sắt, hàng không	3 Tuần: 29/12/25 - 16/1/2026 - Tuần 17: Từ 29/12- 2/01/26 - Tuần 18: Từ 05/1-9/01/26 - Tuần 19: Từ 12/01-16/01/26
Thế giới thực vật	- Nhánh 1: Một số loại cây xanh - Nhánh 2: Một số loại rau, củ - Nhánh 3: Một số loại quả + Tết và mùa xuân - Nhánh 4: Một số 1 cây lương thực	5 Tuần: 19/01/25-06/03/26 - Tuần 20: Từ: 19 /01/- 23/01 - Tuần 21: Từ: 26/01-30/01 - Tuần 22: Từ:02/02-06/02 (Nghỉ Tết Nguyên đán từ 09/1 - 20/2/2026) - Tuần 23: Từ:23/02-27/02

	- Nhánh 5: Một số loại hoa + ngày 08 tháng 3	- Tuần 24: Từ : 02/3 -06/3
Thế giới động vật	- Nhánh 1: Động vật nuôi trong gia đình - Nhánh 2: Động vật sống trong rừng. - Nhánh 3: Động vật sống dưới nước. - Nhánh 4: Côn trùng và Chim	4 Tuần: 9/03 - 03/04/2026 - Tuần 25: Từ: 9/3 - 13/3 - Tuần 26: Từ : 16/3 - 20/3 - Tuần 27: Từ 23/03-27/3 - Tuần 28: Từ:30/03- 03/04
Nước và hiện tượng tự nhiên	- Nhánh 1: Sự kỳ diệu của nước đất, đá, sỏi, cát - Nhánh 2: Một số hiện tượng thời tiết - Nhánh 3: Các mùa trong năm	3 Tuần: 06/4 - 24/4/2026 - Tuần 29: Từ: 06/4 -10/4 - Tuần 30: Từ: 13/4 - 17/4 - Tuần 31: Từ:20/4 -24/4
Quê hương đất nước Bắc Hồ	- Nhánh 1: Đất nước diệu kỳ. - Nhánh 2: Bắc Hồ và các cháu thiếu nhi. - Nhánh 3: Bản làng em	4 Tuần :27/04 - 22/5/2026 - Tuần 32: Từ:27/4- 01/05 - Tuần 33: Từ:4/5-8/5 - Tuần 34: Từ: 11/5 - 15/5
Trường tiểu học	- Nhánh 1: Bé chuẩn bị vào lớp 1.	1 Tuần: Từ : 18/05 - 22/5/2026 - Tuần 35 : Từ: 18/5 - 22/5

5. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

5.1 Công tác nuôi dưỡng

* Nhiệm vụ:

- 100% trẻ được ăn bán trú tại trường với các món ăn đảm bảo đầy đủ dinh dưỡng cho trẻ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Cung cấp khẩu phần ăn đủ năng lượng, cân đối các nhóm chất (đạm, béo, bột đường, vitamin, khoáng chất).

- Khuyến khích trẻ tự xúc ăn, ăn đa dạng món, tập thói quen văn minh trong ăn uống.

- Cân, đo chiều cao, theo dõi biểu đồ tăng trưởng hàng tháng. Phát hiện và can thiệp sớm tình trạng suy dinh dưỡng, thừa cân, thiếu vi chất.

* Giải pháp:

- Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm. Tuyệt đối không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong trường mầm non.

- Lập thực đơn đa dạng, cân đối theo nhu cầu năng lượng và dưỡng chất của từng nhóm tuổi

- Đảm bảo định lượng khẩu phần riêng: giáo viên và cấp dưỡng chia suất ăn theo độ tuổi, tránh trẻ nhỏ ăn nhiều hoặc trẻ lớn bị thiếu.

- Xây dựng vườn rau tại trường để cải thiện bữa ăn.

- Trang bị khu bếp ăn đảm bảo 3 khu riêng biệt (sơ chế, nấu chín, chia thức ăn).

- Tổ chức ngày hội dinh dưỡng cho trẻ.

5.2 Công tác chăm sóc

*** Nhiệm vụ:**

- Trẻ được chăm sóc đảm bảo về cả thể chất lẫn tinh thần.

- Theo dõi sức khỏe định kỳ, phát hiện sớm bệnh tật.

- Trẻ được thực hiện 1 số công việc tự phục vụ: rửa tay bằng xà phòng trước ăn và sau đi vệ sinh, được tự rửa mặt.

- Trẻ phải có đủ nước sạch, nước ấm vào mùa đông để đảm bảo vệ sinh, sức khỏe của trẻ.

- Xây dựng môi trường an toàn – thân thiện: Vệ sinh môi trường lớp học, đồ dùng học tập, đồ chơi sạch sẽ. Sắp xếp lớp học, góc chơi, sân chơi phù hợp với độ tuổi, tránh nguy hiểm. Tạo không gian gần gũi, giúp trẻ yên tâm và hứng thú đến lớp.

*** Giải pháp:**

- Tổ chức rửa tay bằng xà phòng cho trẻ hằng ngày. Giặt, phơi chăn gối, thảm nằm thường xuyên. Xử lý rác thải hợp vệ sinh, giữ lớp và sân trường sạch sẽ.

- Cân đo, theo dõi chiều cao, cân nặng, ghi biểu đồ tăng trưởng. Phối hợp trạm y tế xã để kiểm tra mắt, răng, tiêm chủng.

- Tổ chức các hoạt động rèn kỹ năng tự rửa mặt, cất đồ, tự xúc ăn. Khuyến khích trẻ giúp cô những việc đơn giản: kê bàn ghế, chia thìa bát...

- Thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời phát hiện, khắc phục những nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ nhằm đảm bảo an toàn khi trẻ tham gia các hoạt động tại lớp.

5.3 Công tác giáo dục

*** Nhiệm vụ:**

- Đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục mầm non: Tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi theo độ tuổi lớp mẫu giáo ghép 2-5 tuổi.

- Phát triển tiếng Việt và ngôn ngữ giao tiếp: Giúp trẻ dân tộc thiểu số rèn tiếng Việt để chuẩn bị vào lớp 1. Khuyến khích trẻ mạnh dạn giao tiếp, biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi.

- Giáo dục nếp sống, kỹ năng sống cơ bản: Hình thành thói quen tốt: gọn gàng, lễ phép, biết hợp tác, chia sẻ. Giáo dục trẻ biết yêu thiên nhiên, yêu lao động.

- Thực hiện có hiệu quả các hoạt động đối với các độ tuổi, chú trọng hoạt động chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1. Rèn kỹ năng nghe, nói, chú ý, ngồi học. Tập làm quen chữ cái, chữ số qua trò chơi. Hình thành thói quen tự tin, chủ động khi học tập.

*** Giải pháp:**

- Xây dựng các loại kế hoạch giáo dục linh hoạt: VD: Lập kế hoạch theo chủ đề chung cho cả lớp, nhưng có mục tiêu, yêu cầu riêng theo từng độ tuổi dựa theo chương trình giáo dục mầm non từng độ tuổi. Hoạt động học: thiết kế nội dung lồng ghép, phân hóa (ví dụ cùng một chủ đề “Con vật”: trẻ nhỏ nhận biết tên con vật, trẻ lớn kể được đặc điểm, ích lợi). Bài tập, câu hỏi phân tầng, phù hợp khả năng từng nhóm tuổi.

- Tổ chức hoạt động học tập và vui chơi phong phú: Trẻ 2- 3 tuổi: tập trung vào hoạt động vận động, làm quen đồ vật, nhận biết màu sắc, hình khối. Với trẻ 4- 5 tuổi: phát triển tư duy, ngôn ngữ, toán sơ đẳng, làm quen chữ cái. Kết hợp dạy học với trò chơi, hát múa, kể chuyện, đóng vai.

- Khai thác môi trường tự nhiên: Sử dụng cảnh quan, vườn rau, vườn hoa... làm học liệu trực quan. Tổ chức cho trẻ tham gia chăm sóc cây, hái rau, làm quen lao động hằng ngày.

- Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ đẩy mạnh phát triển ngôn ngữ, tăng vốn từ giúp trẻ giao tiếp tốt hơn và tự tin trong giao tiếp. Khuyến khích phụ huynh trò chuyện bằng tiếng Việt ở nhà để tăng cơ hội luyện tập

- Ứng dụng linh hoạt phương pháp dạy học đổi mới: Tổ chức hoạt động STEAM đơn giản, trò chơi dân gian, hoạt động ngoài trời. Phương pháp lấy trẻ làm trung tâm: khuyến khích trẻ tự khám phá, trải nghiệm. Sử dụng đồ dùng, học liệu từ vật liệu sẵn có: hạt gạo, lá cây, đá cuội... Chia nhóm theo độ tuổi trong lớp ghép để giao nhiệm vụ phù hợp.

Trên đây là kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ lớp mẫu giáo ghép 5 tuổi Công 2 năm học 2025-2026.

Nơi nhận

- BGH Nhà trường ;
- Lưu : BGH, TCM, Lớp ghép 5 tuổi Công 2.

NGƯỜI XÂY DỰNG

Lương T. Thanh Huỳnh

Lò Thị Quai

XÁC NHẬN CỦA NHÀ TRƯỜNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Minh